Đánh giá công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất tại một số dự án trên địa bàn huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

Ngô Thị Dung[1], Trần Đức Nhân[2], Vũ Thị Xuân[1*], Nguyễn Sỹ Hà[3]

[1]Học viện Nông nghiệp Việt Nam

[2]Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

[3]Trường Đại học Lâm nghiệp

Assess the compensation, supports and resettlement when the State recovers land to implement some projects in Tien Du district, Bac Ninh province

Ngo Thi Dung[1], Tran Duc Nhan[2], Vu Thi Xuan[1*], Nguyen Sy Ha[3]

[1]Vietnam National University of Agriculture

[2]Department of Natural Resources and Environment of Tien Du district, Bac Ninh province

[3]Vietnam National University of Forestry

**Corresponding author: vtxuan@vnua.edu.vn*

https://doi.org/10.55250/jo.vnuf.13.1.2024.121-132

Thông tin chung:
Ngày nhận bài: 23/10/2023
Ngày phản biện: 12/12/2023
Ngày quyết định đăng: 09/01/2024

Từ khóa:
bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, huyện Tiên Du, quản lý đất đai, thu hồi đất.

TÓM TẮT

Nghiên cứu nhằm đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp khắc phục những tồn tại trong công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Nghiên cứu đã tiến hành điều tra ngẫu nhiên 30 cán bộ viên chức và 85 hộ bị thu hồi đất tại 3 dự án đã chọn. Sử dụng phương pháp so sánh và dùng thang đo 5 cấp của Likert để đánh giá công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Kết quả nghiên cứu cho thấy về cơ bản bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã thực hiện đúng tiến độ, đúng pháp luật và được đại đa số người bị thu hồi đất đồng ý. Một số tồn tại là phương án bồi thường chủ yếu bằng tiền, mức giá bồi thường hỗ trợ chưa phù hợp (đánh giá chung của người dân ở mức ít hợp lý với điểm trung bình là 2,47), chưa có định hướng sử dụng hiệu quả các khoản tiền bồi thường, hỗ trợ. Các giải pháp đề xuất là cần thực hiện tốt như: nâng cao sự phối hợp của các cấp, các ngành; xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai tổng thể; nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và mức hỗ trợ đối với cán bộ; điều chỉnh mức giá bồi thường hỗ trợ; hướng dẫn sử dụng hiệu quả các khoản tiền bồi thường, hỗ trợ.

Keywords:
land acquisition, land management, land management compensation, support and resettlement, Tien Du district.

ABSTRACT

The study aims to evaluate the current situation and propose solutions to overcome shortcomings in compensation, support and resettlement work in Tien Du district, Bac Ninh province. The study conducted a survey of 30 officials and 85 households whose land was recovered in 3 selected projects using the random sampling method. Use the comparison method and 5-level Likert scale to evaluate compensation, support, and resettlement work. Research results show that basically, compensation, support and resettlement have been implemented on schedule, according to the law and agreed by the vast majority of people whose land was recovered. Some exist that are primarily monetary compensation options; Compensation and support prices are not appropriate (People's general assessment is less reasonable with an average score of 2.47), and there is no direction for the effective use of compensation and support amounts. Proposed solutions need to be implemented well such as: improving coordination at all levels and sectors; building a comprehensive land database; Improving professional qualifications and support levels for staff; adjusting compensation and support prices; Instructions on the effective use of compensation and support amounts.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đất đai là tài nguyên quốc gia vô cùng quý giá, là tư liệu sản xuất đặc biệt không thể thay thế, thành phần quan trọng hàng đầu của môi trường sống, là địa bàn phân bố các khu dân cư, xây dựng các công trình kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh và quốc phòng [1]. Quá trình đô thị hóa - công nghiệp hóa (ĐTH-CNH) diễn ra nhanh chóng nên thu hồi đất (THĐ) để thực hiện các công trình, dự án là tất yếu. Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (BTHT&TĐC) là một trong những khâu then chốt để giải phóng mặt bằng (GPMB), tạo quỹ đất phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội (KTXH). Nhờ những thay đổi kịp thời về các quy định pháp luật về công tác GPMB đã góp phần thúc đẩy tiến độ thực hiện dự án đầu tư, giảm thiểu tác động tiêu cực đối với người dân bị THĐ cũng như đối với dự án [2]. Tuy nhiên, công tác GPMB vẫn còn kéo dài, làm ảnh hưởng đến tiến độ triển khai của các công trình, dự án; việc khiếu nại, khiếu kiện liên quan đến BTHT&TĐC khi Nhà nước THĐ vẫn còn xảy ra. Nguyên nhân là do việc chuẩn bị phương án BTHT&TĐC chưa được các cấp chính quyền quan tâm đúng mức, nhất là phương án giải quyết tạo việc làm mới, chuyển đổi nghề cho người bị THĐ nông nghiệp; một số địa phương chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành; chưa làm tốt công tác tuyên truyền, vận động; năng lực của một bộ phận đội ngũ cán bộ còn hạn chế và thiếu chuyên nghiệp [3].

Tỉnh Bắc Ninh nói chung, huyện Tiên Du nói riêng có tốc độ ĐTH - CNH diễn ra nhanh trong điều kiện quỹ đất còn hạn chế so với nhiều địa phương khác. Do đó, công tác THĐ, GPMB tạo quỹ đất phát triển KTXH là một nhiệm vụ quan trọng tại địa phương. Những nghiên cứu trước đây về công tác BTHT&TĐC khi nhà nước THĐ trên địa bàn huyện đã chỉ ra một số tồn tại, hạn chế của công tác này như giá bồi thường thấp, chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm chưa thực sự có hiệu quả...[4]. Trong giai đoạn 2017 - 2022, để tiếp tục đáp ứng nhu cầu sử dụng đất phục vụ phát triển KTXH, huyện Tiên Du tiến hành THĐ cho 267 dự án với diện tích là 1.808,66 ha [5]. Công tác BTHT&TĐC khi nhà nước THĐ trên địa bàn huyện đã có sự thay đổi so với giai đoạn trước nhờ sự quan tâm của các cấp chính quyền, hoàn thiện hệ thống các quy định pháp luật liên quan BTHT&TĐC và GPMB. Tuy nhiên, công tác BTHT&TĐC vẫn còn gặp khó khăn, bất cập như giá đất bồi thường đã được cải thiện nhưng vẫn thấp hơn giá thị trường, giải quyết việc làm chuyển đổi nghề luôn là bài toán nan giải... Vì vậy, bài viết này nhằm mục đích đánh giá thực trạng công tác BTHT&TĐC khi Nhà nước THĐ tại một số dự án trên địa bàn huyện Tiên Du - tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2017 - 2022, từ đó đề xuất một số giải pháp và kiến nghị góp phần giải quyết những tồn tại, khó khăn trong quá trình thực hiện BTHT&TĐC.

2.PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp thu thập tài liệu

- Số liệu thứ cấp: kế thừa, thu thập tài liệu, số liệu, báo cáo chuyên ngành, kết quả thống kê, kiểm kê… từ các phòng, ban trong huyện Tiên Du. Bao gồm các số liệu liên quan đến đến công tác BTHT&TĐC huyện Tiên Du; thông tin, số liệu liên quan đến các dự án điều tra; các số liệu, đánh giá từ các nghiên cứu của các tác giả khác.

- Số liệu sơ cấp: (1) việc lựa chọn dự án đánh giá dựa trên tiêu chí về vai trò của dự án, 03 dự án thu hồi đất (THĐ) được chọn là những án trọng điểm trong giai đoạn 2017 - 2022 và được sự quan tâm chỉ đạo của các cấp thực hiện đúng tiến độ được giao. Các dự án bao gồm (dự án 1- dự án đầu tư xây dựng (ĐTXD) Đường từ TL.287 đi thành phố Bắc Ninh (giai đoạn I), dự án 2 - dự án ĐTXD Đài tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ huyện Tiên Du (giai đoạn I), dự án 3 - dự án ĐTXD đường giao thông khu du lịch Phật Tích, huyện Tiên Du (giai đoạn II). Đồng thời, các dự án được chọn có sự khác nhau về loại đất thu hồi (dự án 1 có 100% số hộ bị thu hồi là đất nông nghiệp, dự án 2 có 100% số hộ bị thu hồi là đất ở đô thị, dự án 3 có 100% số hộ bị thu hồi là đất ở nông thôn); (2) Số phiếu điều tra n tại dự án 1 được xác định theo công thức $n=N/(1+N.e^2)$ [6].

Trong đó:

N là tổng số hộ gia đình, cá nhân bị THĐ (326 hộ);

e - sai số tiêu chuẩn;

với e = 10% (tức là độ tin cậy của kết quả nghiên cứu là 90%) n tính được là 76.

Tiến hành lựa chọn ngẫu nhiên 76 hộ trên tổng số 326 hộ gia đình bị THĐ ở dự án 1 để điều tra. Tại dự án 2 và dự án 3, điều tra 100% số hộ bị THĐ (dự án 2 số hộ bị thu hồi đất ở là 5 hộ, số phiếu điều tra là 5 phiếu, dự án 3 số hộ bị thu hồi đất ở là 4 hộ, số phiếu điều tra là 4 phiếu). Tổng số hộ điều tra của 3 dự án là 85 hộ. Các tiêu chí điều tra gồm: thông tin chung về hộ, thông tin về thửa đất bị thu hồi, đánh giá của hộ về công tác BTHT&TĐC, về trình tự, thủ tục và mục đích sử dụng tiền bồi thường của các hộ gia đình.

Để tìm hiểu những thuận lợi và khó khăn trong công tác BTHT&TĐC khi nhà nước THĐ để thực hiện các dự án, tiến hành điều tra 30 cán bộ trực tiếp hoặc liên quan đến công tác GPMB (6 cán bộ làm việc tại phòng TN&MT, hội đồng BTHT&TĐC huyện, 3 cán bộ Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Bắc Ninh, 3 cán bộ ban Quản lý dự án xây dựng, 4 cán bộ chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Tiên Du, 14 cán bộ địa chính xã, thị trấn). Tiêu chí điều tra cán bộ gồm: mức giá BTHT&TĐC; trình tự thực hiện công tác BTHT&TĐC; sự phối hợp của người dân bị THĐ và cán bộ BTHT&TĐC; kinh phí cho người thực hiện công tác BTHT&TĐC đã phù hợp chưa; áp lực cấp trên đối với cán bộ tham gia BTHT&TĐC.

2.2. Phương pháp xử lý, phân tích số liệu

Số liệu tài liệu thu thập được tiến hành tổng hợp, xử lý bằng phần mềm Excel, SPSS. Công tác BTHT&TĐC khi nhà nước THĐ được đánh giá qua nội dung chính là tình hình thực hiện chính sách BTHT&TĐC. Điều tra ý kiến của người bị THĐ đối với việc thực hiện BTHT&TĐC thông qua các tiêu chí: (1) Công tác bồi thường (xác định đối tượng, giá đất bồi thường, giá bồi thường tài sản trên đất); (2) công tác hỗ trợ (hỗ trợ hoa màu, ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp; hỗ trợ di chuyển chỗ ở; hỗ trợ thuê nhà); (3) Công tác tái định cư (vị trí và diện tích tái định cư; cơ sở hạ tầng khu tái định cư). Sử dụng thang đo Likert [7, 8] để đánh giá công tác BTHT&TĐC. Với 5 mức độ từ: rất cao/rất tốt/rất phù hợp/rất nhanh/rất dễ: 5; cao/tốt/phù hợp/nhanh/dễ: 4; bình thường: 3; thấp/kém/ít/chậm/khó: 2; rất thấp/rất kém/rất ít/rất chậm/rất khó: 1. Chỉ số đánh giá chung là số bình quân gia quyền của số lượng người trả lời và hệ số của từng mức độ áp dụng. Thang đánh giá chung là: rất cao ($\underline{\geq}$ 4,20); cao (3,40 - 4,19); trung bình (2,60 - 3,39); thấp (1,80 - 2,59); rất thấp (<1,80).

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Khái quát công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện Tiên Du từ 2017 - 2022

Tiên Du là huyện nằm ở phía Tây Nam của tỉnh Bắc Ninh, cách trung tâm tỉnh 5 km về phía Nam, cách Thủ đô Hà Nội 25 km về phía Bắc. Huyện có tuyến đường bộ QL1A, QL1B, QL38, TL276, TL287 và tuyến đường sắt chạy qua, do đó Tiên Du có nhiều cơ hội khai thác và thu hút nguồn lực ở trong và ngoài tỉnh. Huyện Tiên Du có tổng diện tích đất tự nhiên là 9.560,25 ha, trong đó: đất nông nghiệp là 5.370,79 ha (chiếm 56,18%), đất phi nông nghiệp là 4.177,29 ha (chiếm 43,69%), đất chưa sử dụng 12,17 ha (chiếm 0,13%). Tiên Du với quy mô dân số là 190.677 người, chiếm 13,03% dân số toàn tỉnh, mật độ dân số trung bình khoảng 1994 người/km^2 và tập trung không đồng đều. Thu nhập bình quân đầu người đạt 82,5 triệu đồng/người/năm. Năm 2022, ngành nông nghiệp chiếm 1,31% với giá trị sản xuất là 1.069 tỷ đồng, ngành công nghiệp - xây dựng cơ bản chiếm 89,02% với giá trị sản xuất là 72.438 tỷ đồng, ngành thương mại - dịch vụ chiếm 9,67 % với giá trị doanh thu là 7.870 tỷ đồng [9].

Để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2017-2022, huyện đã thực hiện THĐ cho 267 dự án với diện tích 1.808,66 ha [10]. Trong 3 năm 2019 - 2021, UBND huyện Tiên Du, trực tiếp là cơ quan chuyên môn phòng TN&MT huyện đã tiếp nhận thẩm định và tổ chức thực hiện GPMB 195 dự án (năm 2019: 46 dự án; năm 2020: 95 dự án, từ đầu

năm 2021 đến nay: 54 dự án), chiếm 73,03% tổng số dự án được THĐ. Năm 2017, số dự án THĐ là 15 dự án, chiếm 5,61% tổng số dự án. Với mục tiêu đến năm 2022 xây dựng huyện Tiên Du trở thành thị xã theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện khóa XVIII, nhiệm kỳ 2020-2025, huyện đã và đang tập trung nguồn lực xây dựng cơ sở hạ tầng, hoàn thiện các tiêu chí nâng cấp đô thị trên địa bàn huyện. Giai đoạn 2017 - 2022, huyện tập trung vào các hạng mục dự án phát triển hạ tầng (các dự án ĐTXD về giao thông, công trình cảnh quan...) để hoàn thiện, nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng nhằm tăng cường sự liên kết các xã trong huyện và kết nối huyện với các địa phương khác trong tỉnh với mục đích thúc đẩy phát triển kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân. Đặc biệt, nhiều dự án trọng điểm của huyện được tập trung triển khai, hoàn thành xong công tác GPMB và bàn giao mặt bằng đúng tiến độ: dự án ĐTXD đường từ TL.287 đi thành phố Bắc Ninh (giai đoạn I), dự án ĐTXD đài tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ huyện Tiên Du (giai đoạn I), dự án ĐTXD đường giao thông khu du lịch Phật Tích, huyện Tiên Du (giai đoạn II), dự án ĐTXD Hồ điều hòa Vân Tương...

3.2. Đánh giá công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất ở 03 dự án nghiên cứu tại huyện Tiên Du

3.2.1. Công tác bồi thường

a) Xác định đối tượng và điều kiện được bồi thường

Trình tự các bước thực hiện BTHT&TĐC của 03 dự án nghiên cứu được thực hiện theo Hướng dẫn số 02/HD-TNMT ngày 04/4/2012 của Sở Tài nguyên và Môi trường (TN&MT) tỉnh Bắc Ninh, Công văn số 71/TNMT ngày 12/08/2020 của phòng TN&MT huyện Tiên Du. Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi đều được mời họp công khai, được thông báo mục đích và ý nghĩa của dự án, lý do THĐ. Phòng TN&MT huyện phối hợp cùng Hội đồng BTHT&TĐC lập biên bản điều tra, phúc tra hiện trạng, kiểm kê và xác minh diện tích đất và các tài sản trên đất. Các biên bản được chủ hộ gia đình, cá nhân, tổ chức và các thành phần tham gia thống nhất ký xác nhận đầy đủ.

Trên cơ sở áp dụng các quy định (Quyết định số 528/QĐ-UBND tỉnh Bắc Ninh ngày 22/12/2014; Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của UBND tỉnh Bắc Ninh), căn cứ vào nguồn gốc đất của các hộ gia đình, cá nhân, các giấy tờ pháp lý liên quan, đối chiếu với hồ sơ địa chính, sau khi kiểm đếm đã xác định được đối tượng được BTHT&TĐC gồm: dự án 1 gồm 323 hộ gia đình, cá nhân và 3 tổ chức có đất bị thu hồi. Dự án 2 gồm 5 đối tượng là hộ gia đình, cá nhân và 4 tổ chức có đất bị thu hồi (đất an ninh, đất quốc phòng, đất nghĩa trang chưa thực hiện thu hồi tại giai đoạn 1). Dự án 3 gồm 13 đối tượng là hộ gia đình, cá nhân (4 hộ gia đình bị thu hồi đất ở và 9 hộ gia đình là đối tượng thuê đất công ích của UBND xã để sản xuất nông nghiệp) và 1 tổ chức. Các hộ được hưởng bồi thường về đất nông nghiệp, đất ở và các công trình xây dựng, cây trồng trên đất.

b) Bồi thường về đất và tài sản trên đất

Dự án 1 thu hồi chủ yếu là đất nông nghiệp (đất trồng lúa - LUC, đất trồng cây hàng năm khác - BHK, đất nuôi trồng thủy sản - NTTS) giao ổn định lâu dài với mức giá bồi thường theo Quyết định 528/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 là 70.000 đồng/m^2, đất tạm giao (đất công ích) là 21.000 đồng/m^2; mức hỗ trợ ổn đời sống và sản xuất, hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp tạo việc làm chỉ hỗ trợ trong thu hồi đất nông nghiệp giao lâu dài.

Dự án 2 đơn giá bồi thường đất ở tại dự án được áp dụng theo Quyết định số 894/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc phê duyệt giá đất cụ thể làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước THĐ để thực hiện dự án ĐTXD đài tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ và đền thờ Bác Hồ tại huyện Tiên Du; Mức hỗ trợ chỗ ở trong phạm vi tỉnh và hỗ trợ tiền thuê nhà tại khu vực thị trấn áp dụng theo Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của UBND tỉnh Bắc Ninh quy định về BTHT&TĐC khi Nhà nước THĐ trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh. Mức giá bồi thường về đất ở đô thị là 20.948.000 đồng/m^2.

Dự án 3 đã ban hành Quyết định số 692/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của UBND

huyện Tiên Du về việc phê duyệt phương án BTHT&TĐC khi nhà nước THĐ thực hiện dự án: Xây dựng đường giao thông khu du lịch Phật Tích, xã Phật Tích, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh (giai đoạn II), tuy nhiên người dân không đồng ý với mức giá bồi thường đất ở tại thời điểm này. Ngày 25/12/2017, UBND tỉnh Bắc Ninh có Quyết định số 746/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá đất cụ thể làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất ở thực hiện dự án đường giao thông khu du lịch Phật Tích, huyện Tiên Du, cụ thể: Vị trí 2 theo bảng giá đất, đường TL.287, đoạn từ địa phận xã Phật Tích đến TL276 là 15.225.000 đồng/m^2, đơn giá lô góc tiếp giáp 2 mặt đường là 16.747.500 đồng/m^2. Kết quả bồi thường về đất và tài sản trên đất ở 3 dự án nghiên cứu thể hiện trong Bảng 1

Bảng 1. Kết quả bồi thường về đất và tài sản trên đất tại 3 dự án nghiên cứu

Hạng mục	Dự án 1		Dự án 2		Dự án 3	
	Diện tích (m^2)	Thành tiền (triệu đồng)	Diện tích (m^2)	Thành tiền (triệu đồng)	Diện tích (m^2)	Thành tiền (triệu đồng)
1. Bồi thường về đất	**47.787,5**	**2.967,761**	**1.165**	**24.404,420**	**479**	**7.873,457**
Đất nông nghiệp giao ổn định lâu dài	40.086,2	2.806,034	-	-	-	-
Đất tạm giao (đất công ích)	7.701,3	161,727	-	-	-	-
Đất ở đô thị	-	-	1.165	24.404,420	-	-
Đất ở nông thôn	-	-	-	-	97,6	1.485,960
Đất ở nông thôn, vị trí lô góc tiếp giáp 2 mặt đường	-	-	-	-	381,4	6.387,497
2. Bồi thường tài sản trên đất		**1.188,006**		**4.193,866**		**1.849,931**
Tổng	**47.787,5**	**4.155,767**	**1.165**	**28.598,286**	**479**	**9.723,388**

Tại dự án 1, diện tích được bồi thường về đất là 47.787,5 m^2, chiếm 90,75% diện tích bị thu hồi. Trong đó, diện tích đất nông nghiệp giao ổn định lâu dài là 40.086,2 m^2 bao gồm các thửa đất bị thu hồi có nguồn gốc là đất trồng lúa (LUC), đất trồng cây hàng năm khác (BHK); đất tạm giao (đất công ích) bị thu hồi là 7.701,3 m^2 gồm các thửa đất nguồn gốc từ đất trồng lúa và đất nuôi trồng thủy sản. Tổng diện tích đất nông nghiệp được bồi thường là 47.787,5 m^2 thấp hơn so với tổng diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi theo Quyết định là do có 01 thửa đất có mục đích sử dụng là đất NTS với diện tích là 728,2 m^2 thuộc quản lý của UBND xã và không do cá nhân, hộ gia đình, tổ chức thuê. Tài sản trên đất chủ yếu là từ các thửa đất trồng cây hàng năm (nhà cấp 4, chuồng trại, công đào đắp, cây cối...). Tổng kinh phí bồi thường về đất nông nghiệp giao ổn định lâu dài, đất tạm giao và tài sản trên đất của dự án 1 là 4.155,767 triệu đồng.

Ở dự án 2, diện tích đất ở được bồi thường là 1.165 m^2 thấp hơn 367 m^2 so với diện tích đất ở bị thu hồi của dự án 2 là do phần diện này của hộ gia đình trong quá trình sử dụng đã lấn chiếm thêm, không được cấp GCNQSDĐ do vậy không được bồi thường. Tài sản trên đất chủ yếu là các ngôi nhà đang sử dụng của các hộ gia đình bị thu hồi kinh phí bồi theo theo quy định của UBND tỉnh. Tổng kinh phí bồi thường đất ở và tài sản trên đất của dự án 2 là 28.598,286 triệu đồng.

Tại dự án 3, diện tích đất ở được bồi thường là 479 m^2 thấp hơn so với diện tích đất ở bị thu hồi là 16,5 m^2 nguyên nhân do sai số trong quá trình đo đạc bản đồ trích đo thực hiện dự án. Phần diện tích còn lại thuộc quỹ đất công ích của xã cho 9 hộ gia đình thuê để

sản xuất nông nghiệp nên không được bồi thường về đất mà có bồi thường về tài sản trên đất. Giá bồi thường về đất ở được xác định ở từng vị trí theo quyết định số 746/QĐ-UBND ngày 25/12/2017 của UBND tỉnh Bắc Ninh, trong đó giá đất ở vị trí góc tiếp giáp 2 mặt đường cao hơn các vị trí còn lại liền kề là 1.522.500 đồng. Tổng kinh phí bồi thường đất và tài sản trên đất của dự án 3 là 9.723,388 triệu đồng.

Việc xác định giá bồi thường về đất của 3 dự án đặc trưng cho 3 loại đất (đất nông nghiệp, đất ở đô thị và đất ở nông thôn). Việc xác định giá đất bồi thường ở dự án 1 và dự án 2 thể hiện trong một quyết định, được phần lớn người dân chấp thuận nên tiến độ thực hiện nhanh. Đối dự án 3, việc xác định giá bồi thường về đất có sự điều chỉnh lần 2 sau khi có quyết định lần 1 do các hộ dân không chấp thuận với mức giá đưa ra, cụ thể: theo quyết định số 692/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của UBND huyện việc giá bồi thường về đất ở nông thôn được áp dụng một mức cho tất cả vị trí thửa đất; sau đó thay thế bằng quyết định số 746/QĐ-UBND ngày 25/12/2017 của UBND tỉnh Bắc Ninh giá đất được điều chỉnh theo từng vị trí cụ thể với các lô đất ở vị trí góc tiếp giáp 2 mặt đường và vị trí đất trong ngõ.

3.2.2. Công tác hỗ trợ

Chính sách hỗ trợ khi thực hiện THĐ cho các dự án căn cứ vào Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Bắc Ninh về ban hành quy định về BTHT&TĐC khi Nhà nước THĐ trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh và Quyết định số 19/2020/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của UBND tỉnh Bắc Ninh. Cụ thể: Điều 16 và Điều 20 của Quyết định số 19/2020/QĐ-UBND quy định về hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước THĐ; Điều 17 và Điều 22 của Quyết định số 19/2020/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 quy định về hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp. Kết quả thực hiện hỗ trợ khi nhà nước THĐ với 3 dự án nghiên cứu thể hiện trong Bảng 2.

Bảng 2. Kết quả thực hiện hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất tại dự án nghiên cứu

Dự án	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng/ĐVT)	Thành tiền (triệu đồng)
Dự án 1	Hỗ trợ tiền hoa màu	m^2	43.514,5	9.000	391,630
	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất	m^2	40.086,2	10.000	400,862
	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm	m^2	40.086,2	350.000	14.030,170
	Tổng				**14.822,662**
Dự án 2	Hỗ trợ di chuyển chỗ ở trong phạm vi tỉnh	Hộ	5	10.000.000	50,000
	Hỗ trợ tiền thuê nhà 9 tháng	Khẩu/tháng	19	600.000	102,600
	Hỗ trợ tiền thuê nhà (hộ độc thân) 9 tháng	Khẩu/tháng	1	1.200.000	10,800
	Tổng				**163,400**
Dự án 3	Hỗ trợ di chuyển chỗ ở trong phạm vi tỉnh	Hộ	4	10.000.000	40,000
	Hỗ trợ tiền thuê nhà 9 tháng	khẩu/tháng	17	500.000	76,500
	Tổng				**116,500**

Qua Bảng 2 cho thấy, tiền hỗ trợ cho 3 dự án nằm ở mức cao: Dự án 1 có kinh phí hỗ trợ là 14.822,662 triệu đồng (tập trung chủ yếu hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm chiếm 94,65% tổng kinh phí hỗ trợ của dự án); dự án 2 có tiền hỗ trợ là 163,400 triệu đồng (hỗ trợ

tiền thuê nhà 9 tháng chiếm 62,79% tổng kinh phí hỗ trợ); dự án 3 có kinh phí hỗ trợ là 116,500 triệu đồng (hỗ trợ tiền thuê nhà 9 tháng chiếm 65,67% tổng kinh phí hỗ trợ). Các khoản hỗ trợ đã phần nào giải quyết được các khó khăn đối với các hộ dân phải di chuyển nhà ở, tái định cư (TĐC), các hộ bị mất đất sản xuất nông nghiệp.

3.2.3. Công tác tái định cư

Việc xác định đối tượng được TĐC và hình thức bố trí TĐC tại các dự án THĐ trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh hiện nay được thực hiện theo Điều 6, khoản 1 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP của Chính phủ và Quyết định số 19/2020/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 (Quyết định 528/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 quy định trong giai đoạn năm 2015-2019). Căn cứ vào kế hoạch phát triển KTXH của địa phương, căn cứ vào quy mô thực tế của diện tích đất bị thu hồi, khả năng quỹ đất dùng để bồi thường số hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất ở phải di chuyển đến nơi khác. UBND tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương quyết định hoặc uỷ quyền cho UBND huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh quyết định và tổ chức thực hiện lập khu TĐC hoặc TĐC phân tán cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

Dự án 2: Dự án ĐTXD Đài tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ huyện Tiên Du (giai đoạn 1) THĐ của 05 hộ đất ở. Hội đồng BTHT&TĐC trong quá trình GPMB đã tham mưu cho UBND huyện Tiên Du vị trí để thực hiện TĐC cho 5 hộ trên tại khu đất TĐC phục vụ GPMB ĐT295B tại thôn Duệ Đông, thị trấn Lim, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Vị trí và diện tích bố trí TĐC cụ thể cho các hộ: LK2.36 - 102,4 m^2; LK2.44 - 114,6 m^2; LK2.45 - 115,6 m^2; LK2.46 - 116,36 m^2; LK2.47 - 105,44 m^2. Cơ sở hạ tầng tại điểm TĐC được xây dựng đồng bộ với hệ thống giao thông thuận tiện được kết nối với hệ thống trường học, y tế, và các dịch vụ khác.

Dự án 3: Dự án ĐTXD đường giao thông khu du lịch Phật Tích (giai đoạn 2) THĐ của 04 hộ đất ở. Hội đồng BTHT&TĐC trong quá trình GPMB đã tham mưu cho UBND huyện Tiên Du vị trí để thực hiện TĐC cho 04 hộ trên tại khu nhà ở nông thôn, thôn Phật Tích, xã Phật Tích, huyện Tiên Du. Vị trí và diện tích bố trí TĐC cụ thể cho các hộ: VT01 - 136,09 m^2; VT02 - 128,04 m^2; VT03 - 104,87 m^2; VT04 - 86,8 m^2. Cơ sở hạ tầng tại vị trí TĐC với hệ thống giao thông thuận tiện được kết nối với hệ thống trường học, y tế, và các dịch vụ khác.

3.2.4. Đánh giá công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại 03 dự án

Tiến hành điều tra 85 hộ bị thu hồi đất (dự án 1: 76 hộ, dự án 2: 5 hộ, dự án 3: 4 hộ) về công tác BTHT&TĐC. Kết quả được thể hiện trong Bảng 3.

Bảng 3. Đánh giá của người dân về công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại 3 dự án

TT	Chỉ tiêu	Dự án 1	Dự án 2	Dự án 3	Trung bình chung
I	**Công tác bồi thường**				
1	Xác định đối tượng được bồi thường	4,24	4,20	4,25	4,23
2	Giá đất bồi thường	2,97	2,20	2,25	2,47
3	Giá bồi thường tài sản trên đất	3,64	3,00	3,75	3,46
II	**Công tác hỗ trợ**				
1	Hỗ trợ hoa màu, ổn định đời sống và sản xuất	3,41			3,41
2	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp	3,28			3,28
3	Hỗ trợ di chuyển chỗ ở		2,60	2,75	2,67
4	Hỗ trợ thuê nhà		3,40	3,50	3,47
III	**Công tác tái định cư**				
1	Vị trí, diện tích lô đất TĐC		3,40	3,50	3,46
2	Cơ sở hạ tầng khu đất TĐC		3,60	3,75	3,69

Ghi chú: Rất phù hợp: >4,20; phù hợp: 3,40 – 4,19; trung bình: 2,60 - 3,39; ít phù hợp: 1,80 - 2,59; rất ít phù hợp: <1,80.

Đánh giá về công tác bồi thường: Việc xác định đối tượng được bồi thường ở cả 3 dự án nghiên cứu được đánh giá là rất hợp lý (với điểm trung bình là 4,23) thể hiện qua việc xác định đúng các đối tượng được bồi thường. Về giá đất bồi thường, đánh giá chung ở cả 3 dự án của người dân ở mức ít hợp lý (điểm trung bình là 2,47), trong đó dự án 1 có mức đánh giá ở mức trung bình (điểm trung bình là 2,67), ở dự án 2 và dự án 3 mức đánh giá là ít phù hợp (điểm trung bình đạt 2,20 và 2,25). Nhóm hộ đánh giá ở mức này vì họ cho rằng giá đất đến bù thấp hơn với giá thực tế trên thị trường tại thời điểm bồi thường, đặc biệt là những hộ bị thu hồi đất ở. Đánh giá về giá bồi thường tài sản trên đất được đánh giá chung ở mức phù hợp (điểm trung bình là 3,46), trong đó dự án 2 đánh giá ở mức trung bình (điểm trung bình 3,00), dự án còn lại đánh giá mức phù hợp.

Đánh giá về công tác hỗ trợ khi THĐ: Đánh giá về mức hỗ trợ hoa màu, ổn định đời sống, sản xuất và mức hỗ trợ thuê nhà được người dân đánh giá chung là phù hợp (với mức điểm trung bình là 3,41 và 3,47) thể hiện sự đồng tình của người dân về mức hỗ trợ này khi bị THĐ. Việc hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và hỗ trợ di chuyển chỗ ở được đánh giá ở mức trung bình (với mức điểm đánh giá là 3,28 và 2,67). Nhiều hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp gặp khó khăn trong việc chuyển đổi nghề nghiệp, chi phí học nghề cao hơn so với mức hỗ trợ được hưởng.

Đánh giá về công tác TĐC: về vị trí diện tích và cơ sở hạ tầng khu đất TĐC đều được các hộ TĐC đánh giá là phù hợp (với điểm trung bình chung là 3,46 và 3,69). Có 100% số hộ được TĐC đều đồng ý với vị trí, diện tích lô đất TĐC và cơ sở hạ tầng khu đất TĐC tại thôn Duệ Đông, thị trấn Lim, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh; Có 100% số hộ được TĐC đều đồng ý với vị trí, diện tích lô đất TĐC và cơ sở hạ tầng khu nhà ở nông thôn, thôn Phật Tích, xã Phật Tích, huyện Tiên Du. Hệ thống giao thông và cấp thoát nước tại 2 khu đất TĐC được đầu tư xây dựng trước tốt nên người dân bị THĐ rất yên tâm khi chuyển về khu TĐC mới. Vị trí và diện tích lô đất phù hợp với nhu cầu của các hộ dân, chỗ ở mới có cơ sở hạ tầng khá thuận tiện đáp ứng nhu sinh hoạt của gia đình, vì thế cuộc sống ít bị ảnh hưởng.

So sánh về mức độ đánh giá của người dân ở dự án 2 và dự án 3 về công tác TĐC có thể nhận thấy: Các hộ ở dự án 3 có điểm đánh giá về vị trí, diện tích lô đất TĐC và cơ sở hạ tầng khu TĐC lần lượt là 3,50 và 3,75 cao hơn so với dự án 2 với lần lượt là 3,40 và 3,60. Dự án 3 đối tượng thu hồi thuộc khu vực nông thôn, vị trí xác định để TĐC theo theo đánh giá của các hộ là thuận lợi hơn so với vị trí cũ, cơ sở hạ tầng được đầu tư đồng bộ. Trong đó, dự án 2 đối tượng thu hồi thuộc khu vực đô thị, mặc dù huyện đã lựa chọn vị trí TĐC thuận lợi và đầu tư cơ sở hạ tầng đồng bộ nhưng bản thân các hộ nhận định vị trí này không được thuận lợi như vị trí cũ của gia đình (nguyên nhân do phần lớn các hộ bị thu hồi đang hoạt động kinh doanh buôn bán).

Kết quả điều tra 30 cán bộ công chức, viên chức về công tác BTHT&TĐC khi Nhà nước THĐ được thể trong Bảng 4.

Trong các tiêu chí điều tra cho nhóm cán bộ công chức, viên chức, 2 tiêu chí (sự quan tâm của các cấp, các ban ngành và sự phù hợp của trình tự thực hiện) được đánh giá ở mức rất tốt với điểm trung bình chung lớn hơn 4,20. Đây là thể hiện sự quan tâm rất lớn của cấp các ban ngành đối với công tác BTHT&TĐC khi nhà nước THĐ. Đồng thời, các cấp ban ngành căn cứ vào quy định chung và điều kiện thực tế của địa phương để đưa ra chính sách, quy trình cụ thể liên quan đến công tác này của địa phương mình. Đó cũng chính là một nguyên nhân góp phần nâng cao hiệu quả của công tác BTHT&TĐC khi nhà nước THĐ tại địa phương. Các tiêu chí còn lại được đánh giá ở mức phù hợp (điểm trung bình chung từ 3,40 - 4,19). Kết quả đánh giá về giá đất bồi thường ở mức

phù hợp, tương đồng với kết quả nghiên cứu trong cùng giai đoạn này của Phạm Anh Tuấn và cộng sự (2021) [11] tại thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh**,** nhưng điểm đánh giá thấp hơn (điểm trung bình chung của nghiên cứu là 3,40, nghiên cứu so sánh là 3,69 và 3,82). Giá đất bồi thường là nguyên nhân mà nhiều dự án THĐ gặp nhiều khó khăn, đây là vấn đề quan tâm lớn nhất của các đối tượng bị THĐ. Việc thành công của dự án THĐ có vai trò rất lớn của công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách và việc xác định giá bồi thường và hỗ trợ phù hợp với thực tế tại địa phương.

Bảng 4. Tổng hợp ý kiến điều tra cán bộ trực tiếp thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ

TT	Tiêu chí	Rất tốt	Tốt	TB	Kém	Rất kém	TB chung
1	Sự quan tâm của các cấp, các ban ngành	10	17	3	0	0	4,23
2	Sự quan tâm, ủng hộ của nhân dân	6	14	10	0	0	3,87
3	Tiến độ của dự án thực hiện	0	15	13	2	0	3,43
4	Sự phù hợp của giá đất để áp dụng bồi thường	0	12	18	0	0	3,40
5	Sự phù hợp của đơn giá bồi thường cây cối hoa màu, công trình, tài sản	0	17	13	0	0	3,57
6	Sự phù hợp của mức hỗ trợ khi THĐ (ổn đình đời sống, tìm kiếm việc làm, di chuyển chỗ ở, thuê nhà...)	0	19	11	0	0	3,63
7	Sự phù hợp của trình tự thực hiện	11	14	5	0	0	4,20
8	Áp lực (công việc, người dân)	0	16	12	2	0	3,47
9	Sự phù hợp của kinh phí hỗ trợ cho người thực hiện công tác THĐ	0	18	12	0	0	3,60

Ghi chú: Rất hợp lý/Rất tốt/Rất áp lực/Rất đúng tiến độ: > 4,20; Hợp lý/Tốt/Áp lực/Đúng tiến độ: 3,40 – 4,19; Trung bình: 2,60 – 3,39; Ít hợp lý/Kém/ít áp lực/Không đúng tiến độ: 1,80 – 2,59; Rất không hợp lý/Rất kém/Rất ít áp lực/Rất không đúng tiến độ: <1,80.

3.2.5. Đánh giá các hình thức sử dụng tiền bồi thường của người dân bị thu hồi đất

Tiến hành điều tra 85 hộ dân bị thu hồi đất về mục đích sử dụng tiền bồi thường hỗ trợ (Nhóm 1 là 45 hộ có mức bồi thường hỗ trợ trên 50 triệu đồng và nhóm 2 là 40 hộ có mức bồi thường hỗ trợ dưới 50 triệu đồng). Kết quả được thể hiện trong Bảng 5.

Bảng 5. Tổng hợp mục đích sử dụng tiền bồi thường, hỗ trợ của các hộ dân bị THĐ

Mục đích sử dụng	Nhóm 1 (45 hộ)		Nhóm 2 (40 hộ)		Tổng (85 hộ)	
	Số hộ sử dụng (hộ)	Tỷ lệ (%)	Số hộ sử dụng (hộ)	Tỷ lệ (%)	Số hộ sử dụng (hộ)	Tỷ lệ (%)
Đầu tư vào sản xuất, kinh doanh	17	37,78	9	22,50	26	30,59
Gửi tiết kiệm	25	55,56	8	20,00	33	38,82
Xây dựng, sửa chữa nhà cửa	23	51,11	7	17,50	30	35,29
Mua sắm đồ dùng	16	35,56	21	52,50	37	43,53
Học nghề	8	17,78	1	2,50	9	10,59
Mục đích khác	5	11,11	5	12,50	10	11,76

Ghi chú: Nhóm 1 - Hộ gia đình, cá nhân sử được bồi thường, hỗ trợ với số tiền >50 triệu đồng; Nhóm 2 - Hộ gia đình, cá nhân sử được bồi thường, hỗ trợ số tiền < 50 triệu đồng.

Kết quả điều tra trong Bảng 5 cho thấy: Mục đích sử dụng tiền bồi thường hỗ trợ của các hộ dân bị THĐ được điều tra chủ yếu vào các mục đích (mua sắm đồ dùng, xây dựng sửa chữa nhà cửa, gửi tiết kiệm và đầu tư vào sản xuất, kinh doanh). Các mục đích sử dụng khác như học nghề, mục đích khác được ít hộ gia đình sử dụng. Mặt khác người dân cho biết họ chưa được tư vấn đầy đủ việc sử dụng tiền bồi thường, hỗ trợ. Ở nhóm hộ có mức tiền bồi thường hỗ trợ trên 50 triệu đồng, mục đích sử dụng vào xây dựng sửa chữa nhà cửa và gửi tiết kiệm là lớn trên 50% tổng số hộ điều tra, trên 30% số hộ điều tra có mục đích sử dụng vào mua sắm đồ dùng và đầu tư vào sản xuất kinh doanh, dưới 20% số hộ được điều tra sử dụng vào mục đích học nghề và mục đích khác. Ở nhóm hộ có mức tiền bồi thường hỗ trợ dưới 50 triệu đồng, mục đích sử dụng vào mua sắm đồ dùng có 52,50% tổng số hộ điều tra, chỉ có 20 - 22,5% số hộ có mục đích sử dụng vào gửi tiết kiệm và đầu tư vào sản xuất kinh doanh, có 01 hộ sử dụng vào mục đích học nghề. So sánh với kết quả nghiên cứu của Đỗ Thị Tám và cộng sự (2016) [4] thực hiện tại một số dự án trên địa bàn huyện Tiên Du năm 2016 cho thấy, tỷ lệ số hộ sử dụng tiền bồi thường vào mục đích mua sắm đồ dùng và xây dựng sửa sang nhà cửa thấp hơn, cụ thể: 43,53% so với 98,57% số hộ sử dụng vào mua sắm đồ dùng và 35,29% so với 56,54% số hộ sử dụng vào xây dựng sửa chữa nhà. Tuy nhiên, so sánh với kết quả nghiên cứu của Đỗ Thị Tám và cộng sự (2018) [12] thực hiện trên địa bàn huyện Yên Định - tỉnh Thanh Hóa với đối tượng thu hồi phần lớn là nông dân với nguồn sinh kế chủ yếu từ đất nông nghiệp, tỷ lệ hộ sử dụng tiền bồi thường hỗ trợ vào mục đích mua sắm đồ dùng, xây dựng sửa chữa nhà cửa tương đồng với nghiên cứu ở huyện Tiên Du. Điều đó cho thấy cần có những giải pháp hỗ trợ hậu GPMB để nâng cao hiệu quả của việc sử dụng tiền bồi thường hỗ trợ góp phần cải thiện đời sống người dân bị THĐ.

3.2.6. Đánh giá chung công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại 03 dự án nghiên cứu

Qua điều tra, nghiên cứu tài liệu của 03 dự án và đối chiếu với các quy định hiện hành thấy rằng được sự phối hợp của các cấp, các ngành, sự tham mưu kịp thời các cơ quan chuyên môn nên về trình tự, thủ tục công tác BTHT&TĐC tại 03 dự án nghiên cứu đã thực hiện đúng quy định, các phương án bồi thường khi tính toán luôn đảm bảo đúng chế độ chính sách của Nhà nước. Các hộ gia đình bị THĐ cơ bản ủng hộ chủ trương THĐ của các dự án. Chính sách BTHT&TĐC là phù hợp với nguyện vọng của người dân, không có trường hợp nào bị cưỡng chế. Việc xác định giá bồi thường về đất đã được xem xét đến từng vùng, từng dự án, từng loại đất, từng vị trí của thửa đất, đây là sự thể hiện việc áp dụng khung giá đất với việc khảo sát thực tế để đưa ra mức giá bồi thường phù hợp nhất và đáp ứng được nguyện vọng của người dân. Có một số hộ gia đình chưa thống nhất cao theo phương án đã duyệt do giá bồi thường đất ở các xã khác nhau có sự chênh lệch nhưng lại không có đơn khiếu nại. Các hộ gia đình đã có trách nhiệm và tinh thần hợp tác cao trong việc phối hợp thực hiện phương án THĐ. Tuy nhiên, còn một số tồn tại sau:

Các văn bản hướng dẫn thi hành luật của trung ương và của tỉnh còn thiếu đồng bộ, chưa chi tiết cụ thể tới từng trường hợp, nhất là đối với đất tạm giao, đất khoán giao thầu cho các hộ gia đình, cá nhân sử dụng sản xuất ổn định từ nhiều năm.

Hồ sơ ban đầu xác định quyền sử dụng đất đối với từng loại đất cụ thể còn thiếu. Hồ sơ về đất đai là cơ sở quyết định tình trạng pháp lý của đất đai theo từng chủ sử dụng đất. Tuy nhiên, do trải qua nhiều thời kỳ thực hiện chính sách pháp luật đất đai nhiều hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất nhưng không có giấy tờ hoặc không có đầy đủ thông tin cần thiết.

Chưa chú trọng công tác tuyên truyền, giáo dục về chính sách BTHT&TĐC trong nhân dân

để nâng cao nhận thức của nhân dân và khơi dậy tinh thần hợp tác trong quá trình thực hiện THĐ.

Đơn giá bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước THĐ còn thấp, chưa phù hợp với khả năng sinh lợi của đất, chưa đáp ứng được nhu cầu của nhân dân. Ở thời điểm nghiên cứu các dự án THĐ, mức hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm bằng 5 lần giá đất (tương ứng với 350 nghìn đồng/m^2) đã tăng lên so với giai đoạn trước (hỗ trợ chuyển đổi chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm bằng 2,5 lần giá đất nông nghiệp tương ứng, trong trường hợp này là 125 nghìn đồng/m^2) [4]. Tuy nhiên, theo đánh giá của người dân thì mức hỗ trợ này ở mức trung bình, chưa đáp ứng được nhu cầu của người bị THĐ.

Nhu cầu học nghề chuyển đổi nghề nghiệp ngày một lớn, nhưng đào tạo nghề chưa linh hoạt, chưa phù hợp với đặc điểm của người lao động nông nghiệp, phần lớn trong số đó sau khi THĐ chưa chuyển đổi được nghề nghiệp. Các cơ sở sản xuất kinh doanh chưa thực sự quan tâm đến việc tiếp nhận, tuyển dụng số lao động địa phương. Nhiều hộ gia đình sản xuất nông nghiệp khi muốn chuyển sang sản xuất kinh doanh nhưng thiếu mặt bằng, thiếu vốn.

Mặt khác, cơ chế hiện hành của trung ương và cấp tỉnh về hỗ trợ học nghề, lao động, việc làm cho người dân nông nghiệp bị THĐ chưa đồng bộ và hiệu quả dẫn tới nguy cơ về mất việc làm, thất nghiệp là rất lớn. Qua các phương tiện thông tin cho thấy, một số bộ phận gia đình nông dân khi bị THĐ đã trở thành hộ nghèo, một số nơi đã phát sinh tệ nạn xã hội... Vì vậy, giải quyết việc làm, giảm thiểu tình trạng thất nghiệp vừa là trách nhiệm, vừa là nhiệm vụ trước mắt và lâu dài của Đảng bộ, chính quyền các cấp trong toàn huyện, toàn tỉnh. Phải quán triệt sâu rộng trong cả hệ thống chính trị, các doanh nghiệp và toàn xã hội..., có cơ chế chính sách phù hợp nhằm hỗ trợ, tạo điều kiện cho người dân trong vùng THĐ, chuyển mục đích sử dụng đất, tạo điều kiện để người dân trong độ tuổi lao động, có khả năng lao động, có nhu cầu làm việc có cơ hội tìm được việc làm.

3.3. Đề xuất một số giải pháp khắc phục những tồn tại trong bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất tại huyện Tiên Du

Để góp phần giải quyết các tồn tại nêu trên, cần thực hiện đồng bộ một số giải pháp sau:

- Phải nâng cao sự phối hợp của các cấp, các ngành, tổ chức, thực hiện công tác BTHT&TĐC khi nhà nước THĐ.

- Xây dựng được cơ sở dữ liệu đất đai hoàn chỉnh, chính xác, trên cơ sở đầu tư cho công tác đo vẽ bản đồ, lập, quản lý và chỉnh lý hồ sơ địa chính theo hướng chính quy, hiện đại, đầu tư thiết bị tin học đồng bộ cho công tác quản lý hồ sơ địa chính từ cấp cơ sở, thường xuyên theo dõi, cập nhật biến động phù hợp với hiện trạng và biến động sử dụng đất.

- Thường xuyên tập huấn nâng cao trình độ, kiến thức chuyên môn cho các cán bộ làm công tác BTHT&TĐC. Cần có chính sách đãi ngộ phù hợp với tính chất phức tạp và yêu cầu trách nhiệm cao trong thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ chuyên môn để khắc phục tâm lý thiếu an tâm, lo ngại môi trường làm việc đôi khi rất căng thẳng.

- Nâng cao nhận thức của người dân về công tác THĐ, cần phải tuyên truyền để người dân hiểu THĐ, tăng cường đối thoại giữa chính quyền và người dân. Tăng cường sự tham gia của cộng đồng trong thực hiện BTHT&TĐC.

- Để đảm bảo lợi ích của các bên có liên quan, việc áp dụng giá tính bồi thường cần được điều chỉnh, bổ sung theo điều kiện cụ thể của từng vùng, từng dự án, từng thời điểm, từng loại đất và từng vị trí của thửa đất. Từ đó, có thể đưa ra được mức giá bồi thường phù hợp nhất và đáp ứng nguyện vọng của người bị THĐ.

- Lựa chọn vị trí TĐC thuận lợi và đầu tư hạ tầng đồng bộ trên cơ sở xem xét tổng hợp

nhiều yếu tố, trong đó cần phải trả lợi được câu hỏi "khi các hộ về khu TĐC thì họ sẽ làm gì? Nguồn sinh kế của họ ở đâu?" (đặc biệt là những hộ ở vị trí THĐ có điều kiện thuận lợi kinh doanh, buôn bán).

- Cần phải có giải pháp hỗ trợ hậu GPMB: kết quả của các dự án thường gây ra các vấn đề về môi trường, an ninh xã hội nghiêm trọng như các hệ thống sản xuất bị phá hủy, người dân phải đối mặt với việc mất công cụ sản xuất khi tài sản của họ bị ảnh hưởng, hoặc không có nguồn thu nhập thay thế. Do đó việc khôi phục lại cuộc sống cũng như tạo điều kiện cho người bị THĐ có nguồn thu nhập mới là vấn đề cần đặc biệt quan tâm.

4. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy công tác BTHT&TĐC khi Nhà nước THĐ ở 03 dự án tại huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh đã thực hiện đúng trình tự và thủ tục theo quy định của pháp luật và đạt được những hiệu quả nhất định. Về vấn đề BTHT&TĐC được diễn ra dân chủ, công khai, đảm bảo đúng thời gian để các dự án diễn ra theo đúng kế hoạch. Mặc dù còn gặp một số khó khăn, vướng mắc, do một số hộ dân chưa nhất trí về sự chênh lệch giữa giá bồi thường và giá thực tế. Đánh giá chung ở cả 3 dự án của người dân ở mức ít hợp lý (điểm trung bình là 2,47). Đơn giá do UBND tỉnh Bắc Ninh quy định về giá bồi thường, hỗ trợ về đất nông nghiệp, đất ở và tài sản trên đất mặc dù đã được bổ sung kịp thời nhưng vẫn chưa thoả đáng, chưa phù hợp với giá xây dựng mới, chưa phù hợp với thực tế và chi phí đầu tư vào đất. Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp khi Nhà nước THĐ chủ yếu là bằng tiền và trả trực tiếp cho người dân; công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm chưa được quan tâm đúng mức nên hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp đã gặp rất nhiều khó khăn. Các giải pháp đề xuất là cần thực hiện: nâng cao sự phối hợp của các cấp, các ngành; xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai tổng thể; nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và mức hỗ trợ đối với cán bộ; điều chỉnh mức giá bồi thường hỗ trợ; hướng dẫn sử dụng hiệu quả các khoản tiền bồi thường, hỗ trợ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Quốc hội (2013). Luật Đất đai năm 2013. NXB Sự thật, Hà Nội.

[2]. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2012). Báo cáo tổng kết thi hành Luật đất đai năm 2003 và định hướng sửa đổi Luật đất đai.

[3]. Bộ Tài Nguyên và Môi trường (2017). Sơ kết công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

[4]. Đỗ Thị Tám, Nguyễn Thu Hiền & Phạm Văn Vân (2016). Đánh giá công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi đất để thực hiện dự án đường TL287 đoạn qua địa bàn huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Tạp chí Khoa học Đất. 47: 159-166.

[5]. Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tiên Du (2023). Báo cáo kết quả thực hiện BTHT&TĐC trên địa bàn huyện Tiên Du giai đoạn 2017- 2022.

[6]. Lê Huy Bá, Nguyễn Trọng Hùng, Thái Lê Nguyên, Huỳnh Lưu Trùng Phùng, Nguyễn Thị Trốn, Lê Đức Tuấn & Nguyễn Đinh Tuấn (2006). Phương pháp nghiên cứu khoa học. NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

[7]. R. Likert (1932). A Technique for the Measurement of Attitudes. Archives of Psychology. 22(140): 5-55.

[8]. Hoàng Trọng & Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008). Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS. NXB Thống kê, Hà Nội.

[9]. UBND huyện Tiên Du (2022). Báo cáo thực hiện nhiệm vụ phát triển - xã hội năm 2022, phương hướng nhiệm vụ năm 2023 huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

[10]. Phòng Tài nguyên & Môi trường huyện Tiên Du (2022). Báo cáo đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất huyện Tiên Du năm 2022.

[11]. Phạm Anh Tuấn, Nguyễn Thị Hương Thảo & Đỗ Thị Tám (2021). Đánh giá công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện một số dự án tại thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. 3+4: 261-269.

[12]. Đỗ Thị Tám, Vũ Thị Xuân, Trịnh Xuân Hạnh & Nguyễn Bá Long (2018). Đánh giá công tác thu hồi đất, giao đất tại một số dự án trên địa bàn huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp. 3: 121-128.